

Danh sách model được sử dụng

| Phụ tùng | Mô tả | Model | Tên mô tả | Bản vẽ | Số lượng |
|----------|----------------------|---------|--|--------|----------|
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 1806B | Power Planer | 003A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 1902 | Máy Bào Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 008-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 1923B | POWER PLANER 82MM | 038A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 1923H | Power Planer | 007 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 3620 | Router | 009 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 3901 | Plate Joiner | 053-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4014N | BLOWER | 019-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4014NV | Blower | 019-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4140 | Cutter | 010-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4300BA | Jig Saw | 055A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4304 | Jig Saw | 005A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4304Z | JIG SAW | 010A1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4305 | Jig Saw | 065-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4306 | Jig Saw | 005-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4320 | Jig Saw | 901 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4322 | Jig Saw | 041 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4322M | Jig Saw | 041 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4323 | Jig Saw | 043 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 4324 | Jig Saw | 002 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 5600NB | Circular Saw | 022-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6000LR | UNI DRILL 10MM | 046-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6013B | Drill | 038-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6307 | Drill | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6407 | Máy Khoan Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6408 | Máy Khoan Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6409 | Drill | 023 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6410 | Drill | 023 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6501 | Máy Khoan Tốc Độ Cao Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 018 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6701B | SCREWDRIVER | 046-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6801B | Screwdriver | 037-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6801DB | DRYWALL SCREWDRIVER | 046-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6801DBV | DRYWALL SCREWDRIVER | 046-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6802BV | Screwdriver | 042-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6805BV | Screwdriver | 057A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6820V | Drywall Screwdriver | 046-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6821 | Drywall Screwdriver | 031 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6904VH | Impact Wrench | 035-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6905H | Máy Siết Bu Lông Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 041-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 6951 | Impact Driver | 036 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 8451 | HAMMER DRILL 15MM | 033 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9031 | Máy chà nhám Bằng Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 031-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9032 | Máy chà nhám Giữa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Động Cơ Điện | 034-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9035 | Finishing Sander | 017 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9035KB | DUSTLESS ORBITAL SANDER | 036-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9035N | Finishing Sander | 017 | 1 |

| | | | | | |
|----------|----------------------|----------|---|-------|---|
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9036 | Finishing Sander | E02 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9045N | FINISHING SANDER | 019-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9046 | Orbital Sander | 036A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9218SB | Disc Sander | 034A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9900B | BELT SANDER 76MM | 029A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9910 | Máy chà nhám băng cầm tay hoạt động bằng động cơ điện | 012-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | 9911 | Máy chà nhám băng cầm tay hoạt động bằng động cơ điện | 012-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO3700 | Máy chà nhám rung | 040 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO4540 | Finishing Sander | 026 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO4553 | Finishing Sander | 026 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO4901 | Finishing Sander | 025-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5001 | RANDOM ORBIT SANDER | E06 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5010 | Random Orbit Sander | E03 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5020 | Random Orbit Sander | 002 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5030 | Random Orbit Sander | 006 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5031 | Random Orbit Sander | 006 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5040 | Random Orbit Sander | 006 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | BO5041 | Random Orbit Sander | 006 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | GV5000 | Disc Sander | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | GV6000 | Disc Sander | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | GV6010 | Máy chà nhám đĩa cầm tay hoạt động bằng động cơ điện | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP1010 | HAMMER DRILL 10MM | 031-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP1030 | HAMMER DRILL 10MM | 032-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP1320S | HAMMER DRILL 13MM | 031-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2020 | 2-Speed Hammer Drill | 044-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2030 | 2-Speed Hammer Drill | 057-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2031 | 2-Speed Hammer Drill | 057A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2032 | 2-Speed Hammer Drill | 060-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2033 | 2-Speed Hammer Drill | 060-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2040 | 2-Speed Hammer Drill | 045-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2041 | 2-Speed Hammer Drill | 045A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HP2042 | 2-Speed Hammer Drill | 045-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | HR2400 | Combination Hammer | 073-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JN3200 | Nibbler | 018-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JR3000V | RECIPRO SAW | 047-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JR3000VT | RECIPRO SAW | 077A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JR3000VT | RECIPRO SAW | 077B1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JS1660 | Straight Shear | 048-2 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JS1670 | Straight Shear | 048-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | JS3200 | Shear | 017-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | KP0810 | Máy bào | 034-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | KP0810C | Máy bào | 034-1 | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | N1923B | Máy bào cầm tay hoạt động bằng động cơ điện | 038A_ | 1 |
| 682502-4 | Chắn bảo vệ dây 8-85 | NHP1300S | Hammer Drill | 032B1 | 1 |

Ngày in 06/23/2026